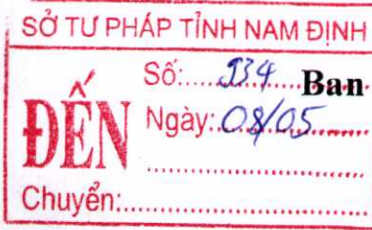


Số: 11/2017/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 04 tháng 5 năm 2017



**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và khai thác thông tin, dịch vụ trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Nam Định

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;  
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;  
Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;  
Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;  
Căn cứ Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;  
Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;  
Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT ngày 23/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 03/TTr-STTTT ngày 27/4/2017 về việc ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và khai thác thông tin, dịch vụ trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm định số 64/BC-STP ngày 25/4/2017 của Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, cung cấp và khai thác thông tin, dịch vụ trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Nam Định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như điều 3;
- Công báo tỉnh; Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5.TLT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Đình Nghị**

## QUY CHẾ

**Quản lý, cung cấp và khai thác thông tin, dịch vụ  
trên Công thông tin điện tử tỉnh Nam Định**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND  
ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh Nam Định)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, cung cấp thông tin và dịch vụ công trên Công thông tin điện tử tỉnh Nam Định (Công TTĐT tỉnh).

##### 2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và khai thác Công TTĐT tỉnh;

b) Các sở, ban, ngành, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định; các cơ quan thông tấn, báo chí; tổ chức, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân tự nguyện tham gia cung cấp, khai thác, sử dụng trên Công TTĐT tỉnh.

c) Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp có nhu cầu tham gia cung cấp, khai thác, sử dụng trên Công TTĐT tỉnh.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trang thông tin điện tử* là trang thông tin hoặc một tập hợp trang thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin.

2. *Cổng thông tin điện tử* là điểm truy cập duy nhất của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

3. *Người sử dụng* là cá nhân khai thác, sử dụng cổng TTĐT của cơ quan Nhà nước hoặc người đại diện theo pháp luật của cá nhân đó.

4. *Dịch vụ hành chính công* là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan Nhà nước (hoặc tổ chức, doanh nghiệp được ủy quyền) có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan Nhà nước đó quản lý.

5. *Dịch vụ công trực tuyến* là các dịch vụ hành chính công và các dịch vụ

khác của cơ quan Nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

a) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1: là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.

b) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

c) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

d) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

### **Điều 3. Địa chỉ và tên giao dịch của Cổng TTĐT tỉnh**

Cổng TTĐT tỉnh Nam Định (tên giao dịch tiếng Anh: Nam Định Portal) có tên miền truy cập trên Internet là: [www.namdinh.gov.vn](http://www.namdinh.gov.vn).

### **Điều 4. Bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật**

1. Thống nhất sử dụng Bộ mã ký tự chữ Việt Unicode theo tiêu chuẩn 6909:2011 trong việc đăng tải, lưu trữ và trao đổi thông tin, dữ liệu trên cổng TTĐT.

2. Cổng TTĐT phải tuân thủ các tiêu chuẩn về ứng dụng Công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

### **Điều 5. Vai trò, nhiệm vụ của Cổng TTĐT tỉnh Nam Định**

#### **1. Vai trò:**

Cổng TTĐT tỉnh Nam Định là cổng tích hợp thông tin các lĩnh vực quản lý nhà nước trên phạm vi địa bàn của tỉnh và được tích hợp thông tin dịch vụ công trực tuyến của tất cả các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Thông tin đăng tải trên Cổng TTĐT tỉnh là thông tin chính thống của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

#### **2. Nhiệm vụ của Cổng TTĐT tỉnh Nam Định**

Tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức của UBND tỉnh trên Internet; là đầu mối kết nối mạng thông tin hành chính điện tử của tỉnh trên Internet với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cơ quan liên quan phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của UBND tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước; tích hợp các dịch

vụ công của tỉnh trên mạng Internet phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời là kênh thông tin tuyên truyền, quảng bá, thu hút đầu tư, thúc đẩy sự phát triển và hội nhập của tỉnh với cả nước, khu vực và thế giới.

## **Chương II**

### **CUNG CẤP THÔNG TIN, DỊCH VỤ TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỈNH**

#### **Điều 6. Hình thức thể hiện, thông tin chủ yếu**

1. Nội dung thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh được trình bày dưới dạng: văn bản, âm thanh, hình ảnh, video, đồ họa.

2. Thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh Nam Định được thể hiện bằng 2 ngôn ngữ chính: tiếng Việt và tiếng Anh.

#### 3. Thông tin chủ yếu

Thông tin đăng tải trên Cổng TTĐT tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 28 Luật Công nghệ thông tin và Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước:

a) Thông tin giới thiệu: Thông tin về tổ chức bộ máy hành chính, bản đồ địa giới hành chính đến cấp phường, xã, điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hóa, di tích, danh thắng; tiểu sử tóm tắt và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

b) Tin tức, sự kiện: Các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

c) Thông tin chỉ đạo, điều hành bao gồm: Ý kiến chỉ đạo, điều hành của thủ trưởng cơ quan đã được thống nhất và chính thức ban hành bằng văn bản; ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân; thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan; lịch làm việc của lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

d) Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách: Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật và chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

đ) Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển.

e) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh và văn bản quản lý hành chính có liên quan: Nêu rõ hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp văn bản cho phép tải về. Cung cấp công cụ tìm kiếm văn bản.

g) Cổng TTĐT tỉnh phải đăng tải công báo điện tử bao gồm những thông tin: số công báo, ngày ban hành, danh mục văn bản đăng trong công báo và

trích yếu nội dung đối với mỗi văn bản.

h) Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công; chương trình, đề tài khoa học.

i) Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân.

- Tiếp nhận phản ánh; kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính theo quy định của pháp luật.

- Cung cấp các thông tin và chức năng; toàn văn nội dung vấn đề cần xin ý kiến; thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý; xem nội dung các ý kiến góp ý; nhận ý kiến góp ý mới; địa chỉ, thư điện tử của cơ quan, đơn vị tiếp nhận ý kiến góp ý.

k) Thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại/fax, địa chỉ thư điện tử chính thức.

l) Thông tin giao dịch của Cổng TTĐT tỉnh bao gồm: địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch với tổ chức, cá nhân.

m) Liên kết, tích hợp các trang/cổng thành phần, các trang thông tin của Trung ương và các địa phương.

n) Thông tin Hỏi đáp.

o) Căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế, Cổng TTĐT tỉnh cung cấp các mục thông tin khác theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### 4. Thông tin tiếng nước ngoài

Các thông tin được cung cấp bằng tiếng Anh trên Cổng TTĐT tỉnh bao gồm:

- Các thông tin quy định tại điểm a, h và k khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

- Căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế, trang Tiếng Anh Cổng TTĐT tỉnh cung cấp các mục thông tin khác theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 7. Thời hạn cung cấp, xử lý và lưu trữ thông tin**

1. Thời hạn cung cấp và xử lý thông tin:

a) Bảo đảm cập nhật thường xuyên, chính xác đối với các mục tin quy định tại điểm a, b, c, k khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

b) Đối với thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách: Thời gian cập nhật không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi văn bản pháp luật, chính sách, chế độ chính thức được ban hành.

c) Đối với văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh và văn bản quản lý nhà nước:

- Thời gian cập nhật không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành đối với cơ quan ban hành văn bản.

- Thời gian cập nhật không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành đối với các cơ quan thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản.

d) Đối với thông tin về chương trình, đề tài khoa học: thời gian cập nhật không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ khi chương trình, đề tài được phê duyệt hoặc sau khi chương trình, đề tài được nghiệm thu.

e) Đối với các mục thông tin tiếng nước ngoài: Phải được thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời khi có phát sinh hoặc thay đổi.

2. Lưu trữ thông tin: Sở Thông tin truyền thông có trách nhiệm bảo đảm việc lưu trữ thông tin của cổng TTĐT tỉnh theo quy định của Nhà nước về lưu trữ.

### **Điều 8. Nguyên tắc tiếp nhận và cung cấp thông tin**

1. Thông tin cung cấp trên Cổng TTĐT tỉnh và các trang/cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định (gọi tắt là Trang TTĐT thành phần) phải đúng với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phục vụ kịp thời trong công tác quản lý của cơ quan và nhu cầu khai thác thông tin của các tổ chức, cá nhân.

2. Thông tin cung cấp trên Cổng TTĐT phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, báo chí, sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên Internet.

3. Việc đăng tải, trích dẫn, sử dụng lại thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh phải ghi rõ thông tin về tác giả, nguồn của thông tin.

4. Việc cung cấp, trao đổi thông tin của các cơ quan, đơn vị trên Cổng TTĐT tỉnh thực hiện trong giờ làm việc, từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. Trong trường hợp đột xuất, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh.

5. Mọi sự thay đổi của nội dung thông tin quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này phải được cung cấp, cập nhật kịp thời ngay sau khi nội dung thay đổi đã được tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền quyết định.

### **Điều 9. Tiếp nhận và trả lời trên chuyên mục Hỏi - Đáp**

1. Chuyên mục Hỏi - Đáp dành cho tiếp nhận các câu hỏi về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, tìm cơ hội đầu tư và các thông tin hữu ích khác nhằm tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân được đối thoại với các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh.

2. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân đặt câu hỏi:

a) Đối với câu hỏi của tổ chức: Ghi rõ họ và tên, chức vụ người đại diện, tên đầy đủ của đơn vị, số điện thoại và địa chỉ hòm thư điện tử.

b) Đối với cá nhân: Ghi rõ họ và tên, quốc tịch, số chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ nơi sinh sống, học tập, làm việc, số điện thoại, địa chỉ hòm thư điện tử (nếu có).

3. Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận câu hỏi, phân loại câu hỏi và chuyển đến các đơn vị liên quan để trả lời. Trường hợp câu hỏi không liên quan đến phạm vi, lĩnh vực hoạt động của nhiều cơ quan, thì các cơ quan, đơn vị có liên quan phải phối hợp xử lý trả lời cho tổ chức, cá nhân.

- Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận câu hỏi, cơ quan nhà nước có trách nhiệm trả lời kết quả hoặc thông báo quá trình xử lý trong đó nói rõ thời hạn trả lời tới tổ chức, cá nhân.

4. Người trả lời thông tin trên chuyên mục Hỏi – Đáp phải là Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hoặc người được Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ủy quyền.

### **Điều 10. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

1. Cổng TTĐT tỉnh phải có mục “dịch vụ công trực tuyến” thông báo danh mục các dịch vụ hành chính công và các dịch vụ công trực tuyến đang thực hiện và nêu rõ mức độ cung cấp của dịch vụ. Các dịch vụ được tổ chức, phân loại theo ngành, lĩnh vực để thuận tiện cho việc khai thác sử dụng.

2. Phải cung cấp chức năng hướng dẫn sử dụng, theo dõi tần suất sử dụng, quá trình xử lý và số lượng hồ sơ đã được xử lý đối với từng dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 trở lên.

### **Điều 11. Trách nhiệm cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

1. Các đơn vị sử dụng những kết quả đã đạt được trong việc chuẩn hóa thủ tục hành chính theo tiêu chuẩn để cung cấp dịch vụ hành chính công trên cổng/trang thông tin điện tử của đơn vị. Đối với dịch vụ có liên quan đến các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính đi kèm phải được cung cấp tối thiểu đạt mức độ 2. Đối với mỗi dịch vụ cần hiển thị đầy đủ các bộ phận cấu thành của thủ tục hành chính và trách nhiệm của các bên có liên quan.

2. Cổng thông tin điện tử tỉnh liên kết, tích hợp thông tin dịch vụ công trực tuyến của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

3. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm công khai dịch vụ hành chính công thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử thành phần, đồng thời gửi Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh đăng tải trên Cổng TTĐT tỉnh.

4. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố có kế hoạch nâng mức độ dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử thành phần của cơ quan, đơn vị.

5. Thông tin thay đổi quy định về thủ tục hành chính, phải được cập nhật kịp thời trên Trang thông tin điện tử thành phần và Cổng TTĐT tỉnh.

6. Hàng năm, các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về lộ trình và tiến độ triển khai thực hiện.

### **Điều 12. Cung cấp dịch vụ quảng cáo trên Cổng TTĐT tỉnh**

Đơn vị quản lý, vận hành Cổng TTĐT tỉnh được thực hiện quảng cáo theo quy định tại khoản 2 điều 23 của Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012.

### **Điều 13. Những hành vi bị cấm khi tham gia cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh**

1. Lợi dụng Cổng TTĐT tỉnh nhằm mục đích
  - a) Chống lại nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; tuyên truyền chiến tranh xâm lược; gây hận thù, mâu thuẫn giữa các dân tộc, sắc tộc, tôn giáo; tuyên truyền kích động bạo lực, đòi truy, tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan; phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc;
  - b) Tuyên truyền, kích động bạo lực, dâm ô, đòi truy, tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc
  - c) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác đã được pháp luật quy định;
  - d) Đưa các thông tin xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân;
  - đ) Lợi dụng để quảng bá, tuyên truyền, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm; truyền bá tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm bị cấm theo quy định của pháp luật;
  - e) Giả mạo tổ chức, cá nhân và phát tán thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
2. Cản trở trái pháp luật việc cung cấp và truy cập thông tin hợp pháp, việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ và thông tin điện tử trên Cổng TTĐT tỉnh.
3. Sử dụng trái phép tài khoản, mật khẩu, khóa mật mã, thông tin, dữ liệu riêng của các tổ chức, cá nhân trên Cổng TTĐT tỉnh.
4. Tạo đường dẫn trái phép đối với tên miền hợp pháp của Cổng TTĐT tỉnh; tạo, cài đặt, phát tán phần mềm độc hại, vi-rút máy tính; xâm nhập trái phép, chiếm quyền điều khiển hệ thống thông tin, tạo lập công cụ tấn công trên Internet.

### **Chương III**

### **QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

#### **Điều 14. Quản lý Cổng TTĐT tỉnh**

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực, tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện về kỹ thuật, vận hành, cung cấp thông tin lên Cổng TTĐT tỉnh; trình UBND tỉnh các dự án, kế hoạch tổng thể về đầu tư, nâng cấp hệ thống Cổng TTĐT tỉnh; bảo đảm an toàn thông tin và dữ liệu, xây dựng phương án dự phòng khắc phục sự cố bảo đảm hệ thống Cổng TTĐT tỉnh hoạt động liên tục ở mức tối đa.
2. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm xây dựng và đảm bảo vận hành tốt các cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. Phối hợp với Ban biên tập Cổng TTĐT

tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện đưa thông tin, cập nhật dịch vụ công trực tuyến lên trang thông tin điện tử thành phần theo quy định.

### **Điều 15. Phương thức phối hợp cung cấp thông tin**

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin bằng văn bản (theo đường công văn) và thư điện tử về ban biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh (Email: [bbtcong tinh@namdinh.gov.vn](mailto:bbtcong tinh@namdinh.gov.vn)).

### **Điều 16. Đảm bảo an toàn thông tin và dữ liệu**

1. Đảm bảo khả năng an toàn, bảo mật:

a) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật để bảo đảm an toàn thông tin và dữ liệu trên Cổng TTĐT tỉnh.

b) Xây dựng giải pháp hiệu quả chống lại các tấn công gây mất an toàn thông tin của Cổng TTĐT tỉnh.

c) Xây dựng phương án dự phòng khắc phục sự cố bảo đảm hệ thống Cổng TTĐT tỉnh hoạt động liên tục ở mức tối đa.

2. Xác thực và mã hóa dữ liệu:

a) Có cơ chế xác thực, cấp phép truy cập, mã hóa thông tin, dữ liệu cho việc truy cập vào các thông tin, dịch vụ; cần phải định danh người truy cập để đảm bảo an toàn cho Cổng TTĐT tỉnh trong quá trình khai thác, vận hành.

b) Cơ chế xác thực, mã hóa thông tin, dữ liệu thực hiện theo các tiêu chuẩn về an toàn thông tin quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT ngày 23/12/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Thành viên tham gia vận hành Cổng TTĐT tỉnh và trang thông tin điện tử thành phần có trách nhiệm bảo quản thông tin truy cập quản trị hệ thống (gồm: Tên đăng nhập và mật khẩu) và chịu trách nhiệm về sự cố liên quan đến thông tin truy cập quản trị hệ thống đó.

4. Thực hiện việc sao lưu dữ liệu ít nhất 1 lần/tuần để đảm bảo có thể nhanh chóng khôi phục lại hoạt động của hệ thống khi có sự cố xảy ra.

### **Điều 17. Chế độ nhuận bút và tạo lập thông tin**

1. Chế độ thù lao, nhuận bút cho việc cung cấp thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh được hưởng theo quy định hiện hành.

2. Mức chi cho việc tạo lập, chuyển đổi và số hóa thông tin cho Cổng TTĐT tỉnh thực hiện theo các quy định và hướng dẫn hiện hành về mức chi tạo lập thông tin điện tử.

### **Điều 18. Kinh phí cho duy trì hoạt động Cổng TTĐT tỉnh**

1. Kinh phí duy trì hoạt động và phát triển Cổng TTĐT tỉnh được bảo đảm từ các nguồn: ngân sách nhà nước; nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị được phép để lại sử dụng theo quy định của pháp luật; nguồn thu từ hoạt động quảng cáo trên Cổng TTĐT tỉnh; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí duy trì hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh được sử dụng cho việc thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Chi cho đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị;
  - b) Nâng cấp, thuê đường truyền kết nối Internet, thuê IP tĩnh;
  - c) Mua, nâng cấp bản quyền phần mềm và đầu tư mở rộng, phát triển, bảo trì Cổng TTĐT tỉnh;
  - d) Quản lý, điều hành, trực vận hành Cổng TTĐT tỉnh;
  - đ) Chi trả thù lao, nhuận bút theo quy định;
  - e) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh.
3. Mức chi, chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 19. Nhân lực quản trị kỹ thuật và xử lý dịch vụ công trực tuyến**

- 1. Đơn vị quản lý, vận hành Cổng TTĐT tỉnh có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản trị Cổng TTĐT tỉnh.
- 2. Cán bộ Ban biên tập và chuyên viên quản trị hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực đảm nhiệm để bảo đảm phục vụ cho hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 20. Trách nhiệm của Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh**

- 1. Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh có nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh định hướng, kiểm duyệt, điều hành và phát triển nội dung, chất lượng thông tin của Cổng TTĐT tỉnh nhằm cung cấp nguồn thông tin, dữ liệu chính xác, trung thực, kịp thời, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước và nhu cầu sử dụng thông tin của các tổ chức, cá nhân, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành;
- 2. Chịu trách nhiệm về nội dung của Cổng TTĐT tỉnh, kiểm duyệt, biên tập, cập nhật tin, bài lên Cổng TTĐT tỉnh.
- 3. Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan đơn vị liên quan cung cấp thông tin, danh mục thủ tục hành chính, các dịch vụ hành chính công lên Cổng TTĐT tỉnh.
- 4. Trưởng Ban biên tập phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban biên tập.
- 5. Phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu đề xuất với UBND tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh;
- 6. Được ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ nội dung số phục vụ cho hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh và các dịch vụ giá trị gia tăng trên Cổng TTĐT tỉnh theo quy định của pháp luật.

### **Điều 21. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

- 1. Tham mưu trang bị các phương tiện, điều kiện kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ để vận hành an toàn và thông suốt Cổng TTĐT tỉnh.
- 2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc xây dựng, duy trì hoạt động và nâng cấp Cổng TTĐT tỉnh theo quy định.

3. Hàng năm, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về việc triển khai các dịch vụ công trực tuyến và tình hình hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập dự trù kinh phí hàng năm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và duy trì Cổng TTĐT tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.

### **Điều 22. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tham gia Cổng TTĐT tỉnh**

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cung cấp nội dung thông tin theo quy định tại Điều 6, Điều 9 của Quy chế này cho Cổng thông tin điện tử tỉnh.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật; các quyết định; văn bản chỉ đạo điều hành; thông báo kết luận; giấy mời họp; báo cáo, quy hoạch, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trong mục “*Nơi nhận*” của văn bản phải có Cổng thông tin điện tử tỉnh.

3. Khi có sự thay đổi thông tin về cơ cấu tổ chức, chức danh lãnh đạo, hòm thư điện tử công vụ, địa chỉ liên hệ các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Ban biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh để trả lời câu hỏi hoặc ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân trên chuyên mục “Hỏi - Đáp” theo thẩm quyền.

5. Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc cung cấp và trả lời thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh; nếu nhận được câu hỏi của các tổ chức, cá nhân gửi đến mà không thuộc thẩm quyền của cơ quan mình thì trong vòng 10 ngày phải trả lời cho người hỏi biết, đồng thời có trách nhiệm chuyển câu hỏi đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để trả lời; nếu không rõ câu hỏi đó thuộc thẩm quyền của cơ quan nào thì gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để giải quyết. Các cơ quan nhà nước khi nhận được các câu hỏi thuộc thẩm quyền do cơ quan khác chuyển đến, có trách nhiệm trả lời cho người hỏi theo đúng quy định của Quy chế này.

6. Được quyền loại bỏ thông tin và không trả lời các câu hỏi hoặc ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này.

### **Điều 23. Trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham gia Cổng TTĐT tỉnh**

1. Được khai thác các thông tin cần thiết trên Cổng TTĐT tỉnh để phục vụ cho nhu cầu thông tin trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân.

2. Được giao tiếp trên Chuyên mục “Hỏi - Đáp” với các cơ quan nhà nước thuộc UBND tỉnh trên Cổng TTĐT tỉnh; được hỏi và nhận thông tin trả lời về các vấn đề mà tổ chức, cá nhân quan tâm theo quy định của Quy chế này.

3. Phản ánh với Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Ban Biên tập Cổng TTĐT tỉnh; UBND tỉnh về nội dung và chất lượng hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh.

4. Thực hiện đúng các điều khoản của quy chế này và các quy định khác có

liên quan.

**Điều 24. Chế độ báo cáo**

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ hàng tháng, năm và đột xuất khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung nào chưa hợp lý, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh xem xét, bổ sung cho phù hợp./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Đình Nghị**